

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tiếp tục đạt đỉnh mới trước thông tin Fitch Ratings đưa ra dự báo mức tăng trưởng của Việt Nam khoảng 7% vào các năm 2021, 2022 và xếp hạng tín nhiệm Việt Nam với triển vọng 'tích cực'

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL điều chỉnh nhẹ trong bối cảnh áp lực chốt lời gia tăng sau phiên tăng mạnh ngày hôm qua

## [Thông tin doanh nghiệp]

VNM, DIG

## [Vĩ mô/Chiến lược]

Cơ cấu tháng 4/2021 VN30 Index, VNFin Lead Index & VNDiamond Index

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và có thể mở lại từng phần vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số xuất hiện các nhịp điều chỉnh với vùng hỗ trợ gần tại 1200 - 1210

02/04/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,224.45	+0.69
VN30	1,238.03	+0.97
HĐTL VN30F1M	1,234.00	-0.12
HNXIndex	294.89	+0.85
HNX30	444.22	+1.82
UPCoM	82.27	+0.69
USD/VND	23,073	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.39	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.25	+11
Dầu (WTI, \$)	61.45	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,731.46	+0.12



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,224.45 (+0.69%)  
**KLGD (triệu CP)** 661.9 (+7.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 710.3 (-3.3%)

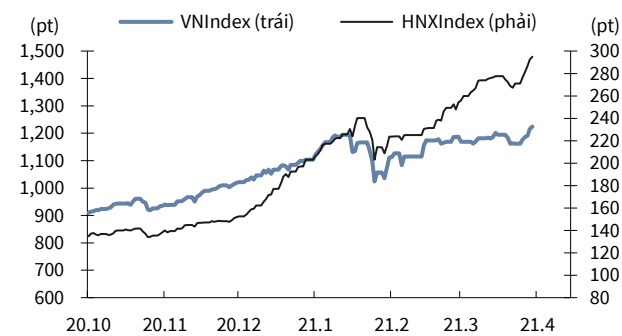
**HNXIndex** 294.89 (+0.85%)  
**KLGD (triệu CP)** 181.9 (-4.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 149.4 (+5.0%)

**UPCoM** 82.27 (+0.69%)  
**KLGD (triệu CP)** 151.6 (+101.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 47.2 (-0.7%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +30.3

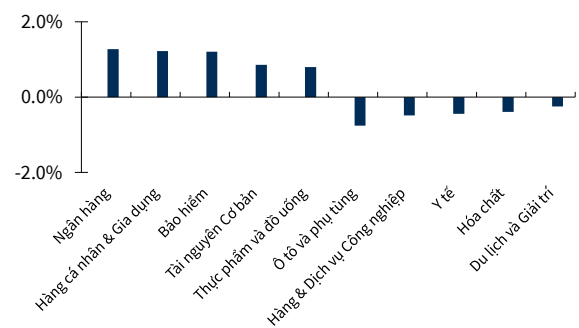
TTCK Việt Nam tiếp tục đạt đỉnh mới trước thông tin Fitch Ratings đưa ra dự báo mức tăng trưởng của Việt Nam khoảng 7% vào các năm 2021, 2022 và xếp hạng tín nhiệm Việt Nam với triển vọng 'tích cực'. Thông tin tác động tích cực đến cổ phiếu ngành ngân hàng BID (+2.4%), MBB (+1.4%), VCB (+0.9%). Theo hãng phân tích công nghiệp toàn cầu Counterpoint, ngày càng nhiều công ty chuyển hoạt động sang Việt Nam như Samsung, LG, Intel, Foxconn... khiến nhu cầu thuê cơ sở hạ tầng tại các khu công nghiệp của Việt Nam sẽ tăng vọt giúp cổ phiếu BĐS khu công nghiệp tăng giá NTC (+2%), KBC (+1.7%). Số liệu của Bộ Công Thương, tính chung 3 tháng đầu năm 2021, sản lượng sản xuất thép thép thô; thép cán tăng lần lượt là 14.4%; 54% so với cùng kỳ năm trước giúp cổ phiếu ngành thép tăng giá ở HPG (+1.1%). Cổ phiếu VEA (+3.2%) tăng giá trước thông tin nhập khẩu ô tô bất ngờ tăng vọt trong tháng 3 với 17,000 chiếc ô tô trị giá hơn 347 triệu USD, tăng hơn 69% về lượng và 66% về giá trị so với tháng trước. Khối ngoại mua ròng ở PMG (+6.9%), HPG (+1.0%), STB (+5.1%).

## VNIndex & HNXIndex



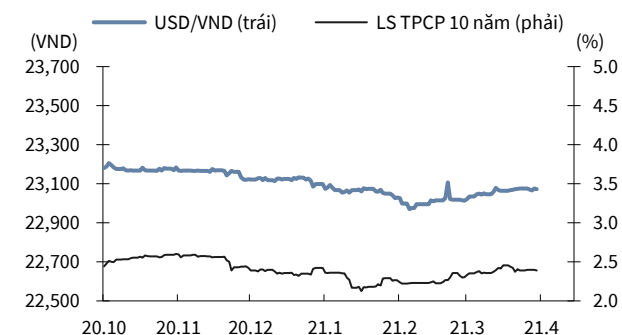
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

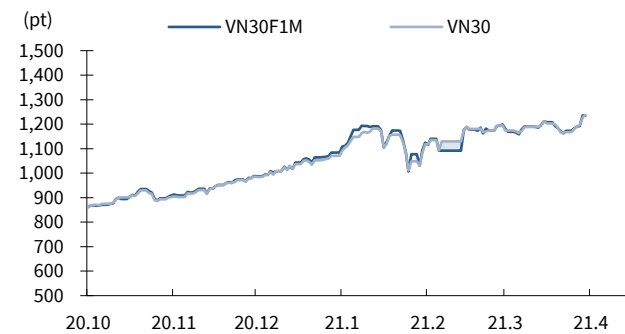
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,238.03 (+0.97%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,234.0 (-0.12%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,241.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,249.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,232.5</b>

Các HĐTL điều chỉnh nhẹ trong bối cảnh áp lực chốt lời gia tăng sau phiên tăng mạnh ngày hôm qua. Chênh lệch F2104 và chỉ số VN30 Index mở cửa ở mức 9.34 điểm, nhanh chóng tăng mạnh lên mức cao nhất trong ngày ở 20.9 điểm, trước khi giảm dần đều và đóng cửa ở mức -4.03 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức trung bình thấp. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng ở F2104.

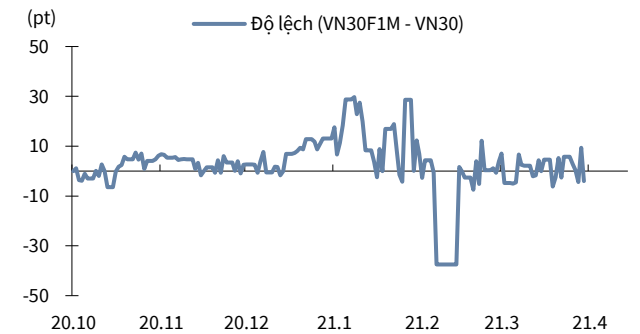
**KLGD (HĐ)**      **135,671 (-14.8%)**

## HĐTL VN30F1M & VN30



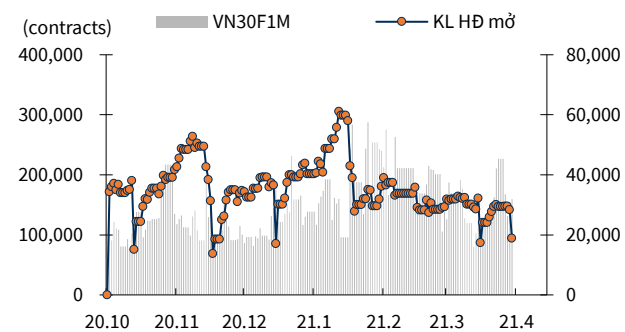
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



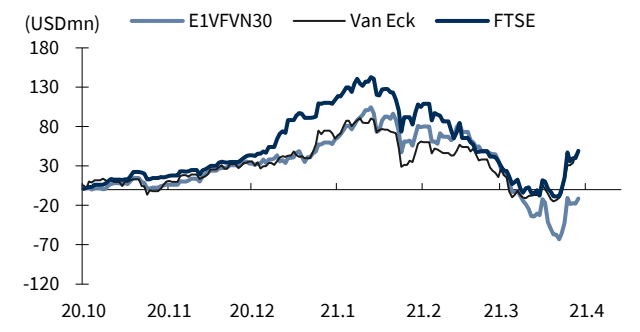
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

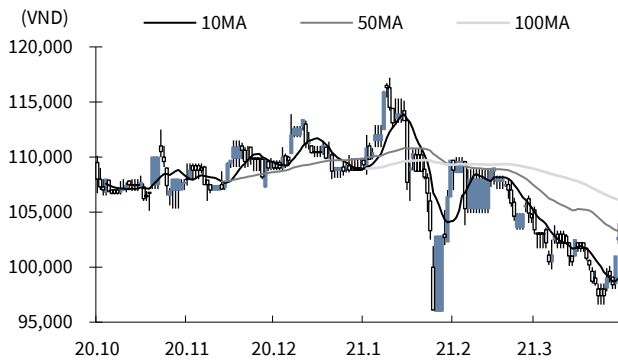
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Vinamilk (VNM)

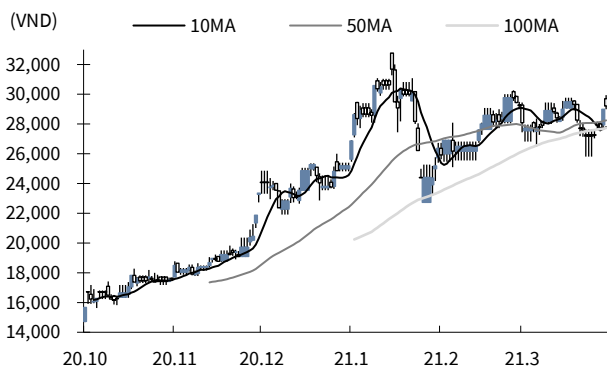


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VNM tăng 1.7% lên 102,700 VND/cp.

- VNM ra mắt hệ thống Trang Trại Sinh Thái Vinamilk Green Farm với 3 trang trại tại Thanh Hóa, Quảng Ngãi và Tây Ninh. Theo BLĐ, đây là ba trang trại cao cấp, hiện đại bậc nhất của Vinamilk với quy mô hàng nghìn hecta và hàng chục nghìn bò bê, đóng vai trò tiên phong về sản xuất xanh và là bước tiến trong việc phát triển ngành chăn nuôi bò sữa theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường.

## DIC Corp (DIG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DIG tăng 0.7% lên 29,200 VND/cp.

- DIG đặt kế hoạch kinh doanh 2021 với lợi nhuận trước thuế 1,444 tỷ đồng (+60% YoY) và doanh thu 2,800 tỷ đồng (+13% YoY). Doanh nghiệp dự kiến chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 17% và phát hành tối đa 15 triệu cổ phiếu ESOP giá 15,000 đồng/cp. Ban lãnh đạo DIG dự kiến ngân sách đầu tư năm 2021 khoảng 9,436 tỷ đồng, chủ yếu đầu tư phát triển dự án.

# Cơ cấu tháng 4/2021

## VN30 Index, VNFin Lead Index & VNDiamond Index

### **TCM, ACB, VIB, EIB, MSB nhiều khả năng sẽ được thêm vào danh mục chỉ số VNDiamond trong khi KDH đối mặt với rủi ro bị loại khỏi rổ**

KDH đối mặt với nguy cơ bị loại khỏi rổ VNDiamond do tỷ lệ sở hữu NĐTNN xuống dưới mức 90%. Ở chiều ngược lại, EIB, TCM là 2 cái tên sáng giá lọt vào rổ VNDiamond sau khi đáp ứng tốt tiêu chí lựa chọn. ACB, VIB, MSB dù không ở trong rổ VNAllshare nhưng đáp ứng được điều kiện ngoại lệ (bao gồm 20 ngày giao dịch tối thiểu, GTGD khớp lệnh 15 tỷ/phần và GTVH tối thiểu 5,000 tỷ VNĐ). Số lượng cổ phiếu trong chỉ số được nâng lên 17 cổ phiếu. Danh mục mới có hiệu lực từ thứ 2 (03/5/2021).

### **VND sẽ bị loại khỏi danh mục chỉ số VNFin Lead Index kì review tới**

VND sẽ bị loại khỏi danh mục chỉ số VNFin Lead Index kì review tới do đã thực hiện chuyển sang sàn HNX. Danh mục mới có hiệu lực từ thứ 2 (03/5/2021).

**Danh mục chỉ số VN30 Index sẽ được giữ nguyên khi kì review tháng 4 chỉ cập nhật thông tin khối lượng lưu hành, free-float, giới hạn tỷ trọng vốn hóa và trọng số điều chỉnh thanh khoản của cổ phiếu thành phần.** Danh mục mới có hiệu lực từ thứ 2 (03/5/2021).

### **Tác động dự kiến trong kì review tháng 4:**

Cổ phiếu được mua vào đáng kể: VIB, PNJ, TCM, EIB, ACB

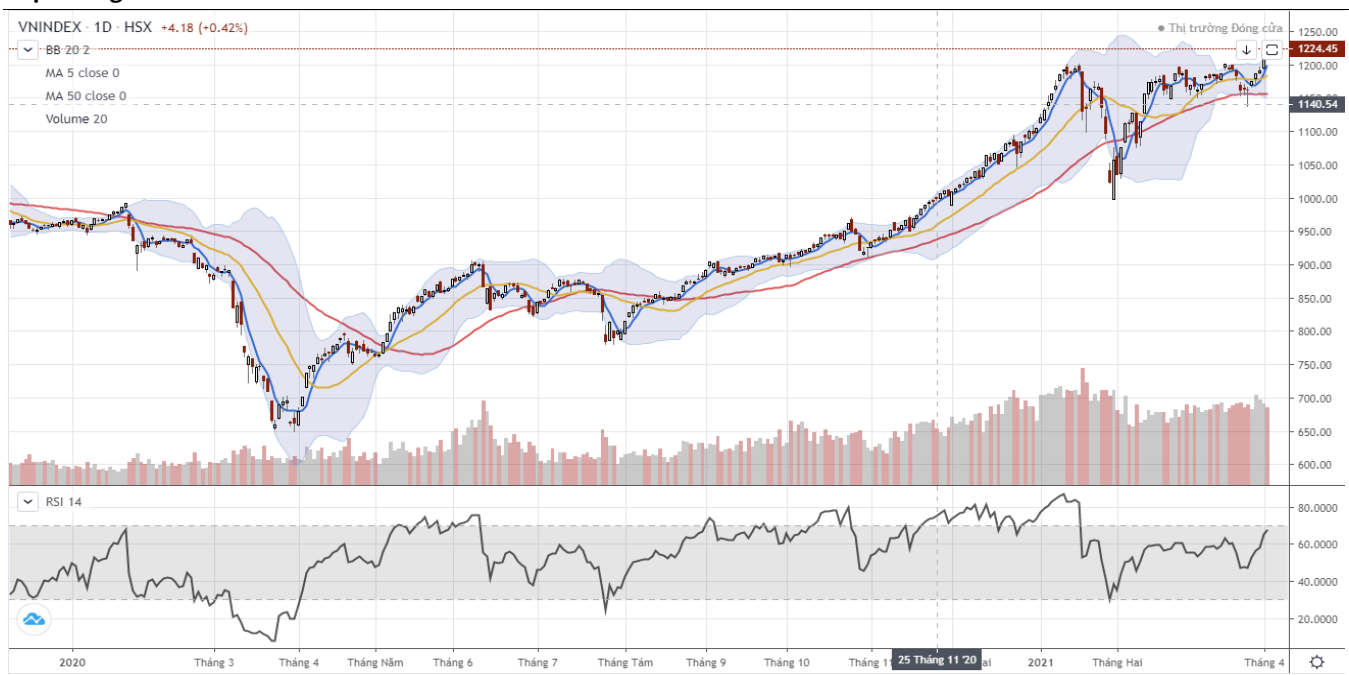
Cổ phiếu bị bán ra đáng kể: KDH, VPB, TPB, MBB, FPT

VN30, VNFin Lead và VNDiamond sẽ công bố thay đổi quý chỉ số vào ngày 19/4/2021. Chúng tôi ước tính dòng tiền tác động lên cổ phiếu dựa trên giá trị tài sản của các ETFs mô phỏng theo 3 bộ chỉ số, bao gồm: 1) VFMVN30 ETF với 336 triệu USD, KIM KINDEX VIETNAM VN30 ETF với 162 triệu USD, SSIAM VN30 ETF với 3 triệu USD và MAFN VN30 ETF với 20 triệu USD mô phỏng theo VN30; 2) SSIAM VNFIN Lead ETF với 85 triệu USD mô phỏng theo VNFin Lead Index; 3) VFMVN Diamond ETF với 424 triệu USD mô phỏng theo VNDiamond Index.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

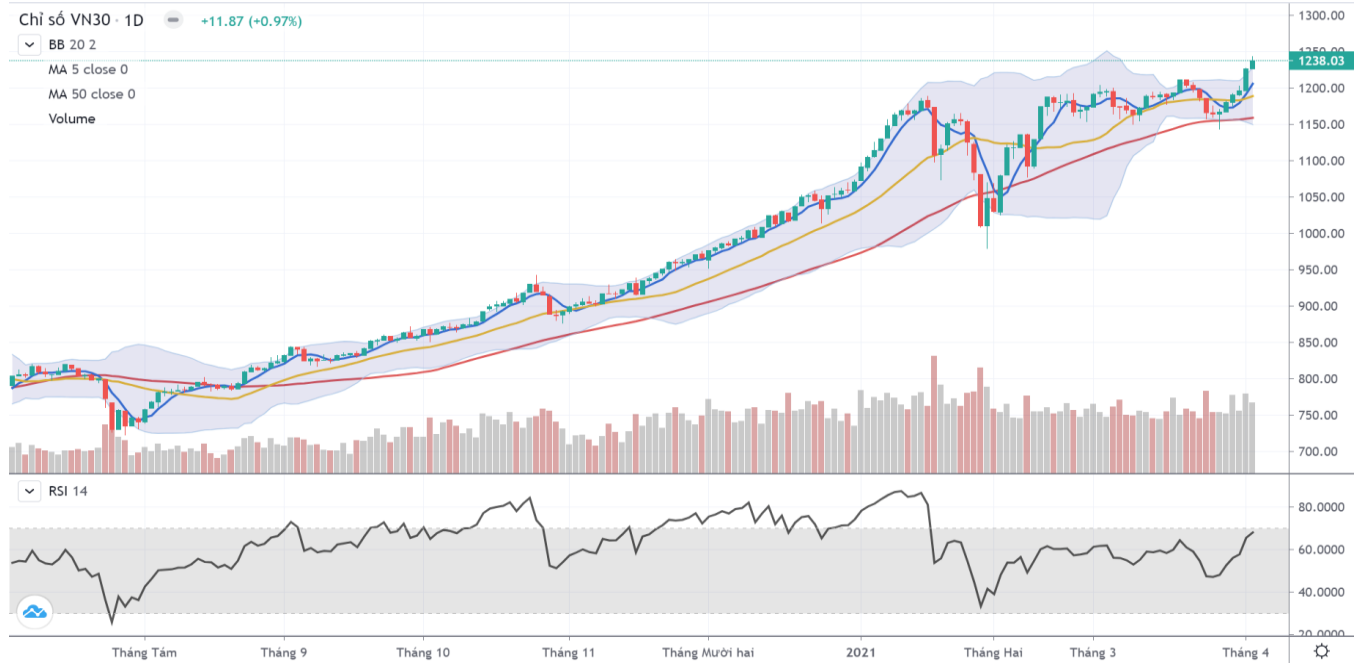
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



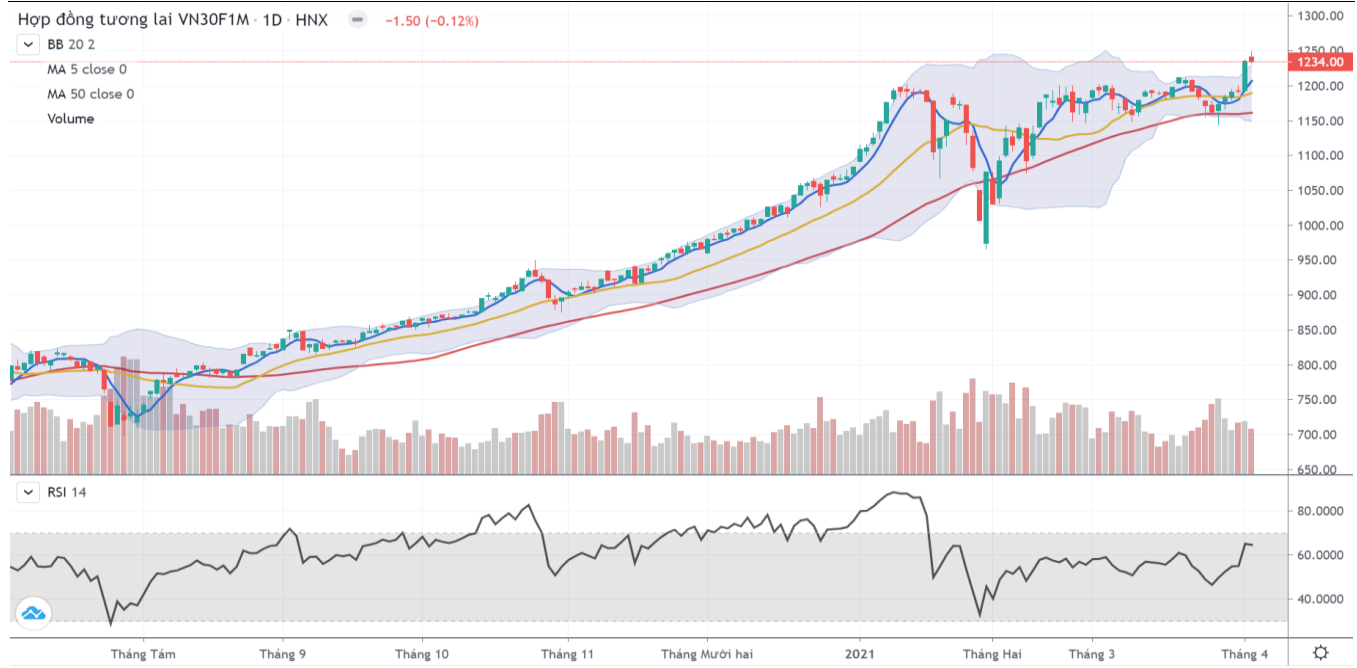
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng điểm ngay từ đầu phiên nhưng sau đó diễn biến giằng co trong biên độ hẹp.
- Việc tạo mẫu nến spinning sau phiên tăng điểm mạnh khiến trạng thái thị trường có phần trung tính và để ngỏ khả năng điều chỉnh trong phiên kế tiếp. Mặc dù vậy, sau khi bứt phá thành công qua vùng đỉnh cũ, cơ hội tiếp tục mở rộng xu hướng tăng đang được đánh giá khá cao.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và có thể mở lại từng phần vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số xuất hiện các nhịp điều chỉnh với vùng hỗ trợ gần tại 1200 - 1210.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1250 - 1255

Kháng cự gần: 1239 - 1241

Hỗ trợ gần: 1229 - 1231

Hỗ trợ xa: 1214 - 1219

- F1 mở gap tăng điểm ngay từ đầu phiên nhưng sau đó suy yếu và điều chỉnh về cuối phiên.
- Việc tạo mẫu nến shooting star sau phiên tăng điểm mạnh báo hiệu khả năng điều chỉnh trong phiên kế tiếp. Mặc dù vậy, sau khi bứt phá thành công qua vùng đỉnh cũ, cơ hội tiếp tục mở rộng xu hướng tăng đang được đánh giá khá cao.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại những vùng hỗ trợ trong phiên.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

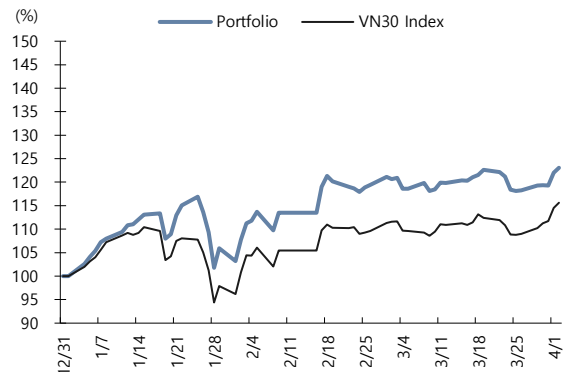
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.97%	0.86%
Tăng lũy kế (YTD)	15.62%	23.06%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 02/04/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	134,800	0.4%	16.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	35,500	0.3%	45.2%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	88,700	3.7%	15.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	29,600	1.4%	74.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	53,700	-0.4%	57.9%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	79,800	0.1%	138.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	41,300	0.6%	69.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	90,300	-0.3%	23.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	49,050	1.1%	151.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	39,400	1.7%	187.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PMG	6.9%	0.4%	384.6
HPG	1.1%	30.1%	94.7
STB	4.6%	9.4%	70.5
MSN	0.4%	32.2%	35.1
NVL	0.2%	6.3%	30.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CTG	0.6%	27.1%	-60.4
VNM	1.7%	56.0%	-10.5
VRE	0.0%	30.5%	-9.2
GVR	-0.5%	0.6%	-8.9
GAS	-0.3%	2.9%	-7.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHB	0.0%	3.9%	0.1
ACM	9.1%	1.0%	0.7
IDV	9.9%	17.5%	0.6
C69	-0.7%	0.0%	0.5
MCF	0.0%	12.0%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	1.0%	9.1%	-7.6
APS	1.9%	15.6%	-4.4
ART	3.7%	4.2%	-2.2
HUT	0.0%	3.2%	-1.3
PVS	-0.4%	8.9%	-0.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	7.3%	TCH, HHS
Dịch vụ tài chính	6.5%	SSI, HCM
Ngân hàng	6.5%	BID, VCB
Bất động sản	6.2%	VIC, VHM
Tài nguyên Cơ bản	6.0%	HPG, HSG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-0.8%	ADG, PNC
Y tế	0.8%	PME, IMP
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.5%	LGC, TDP
Dầu khí	1.6%	PVD, PLX
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.4%	TDM, TTE

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	9.6%	TCM, PNJ
Ô tô và phụ tùng	7.5%	TCH, HHS
Bất động sản	7.2%	VIC, VHM
Ngân hàng	6.6%	CTG, VPB
Tài nguyên Cơ bản	6.5%	HPG, NKG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-4.1%	ADG, YEG
Dầu khí	-3.4%	PLX, PVD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.1%	LGC, REE
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.9%	GAS, PPC
Hóa chất	-0.7%	HRC, RDP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	212,846 (9.2)	22.5	57.0	48.9	14.7	8.1	10.4	4.5	4.0	0.0	9.4	13.7	13.7
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	211,044 (9.2)	26.6	10.8	9.0	35.9	31.0	28.2	2.9	2.2	1.7	5.2	-2.0	12.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	163,037 (7.1)	17.8	27.1	21.2	-7.6	9.3	11.0	2.4	2.2	0.0	5.1	-2.4	7.8
	NVL	NO VA LAND INVES	81,500	86,712 (3,768)	180,888 (7.8)	31.3	20.7	17.8	6.7	11.4	11.4	2.6	2.2	0.2	3.1	3.4	25.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	34,300	19,167 (833)	50,441 (2.2)	11.6	14.3	10.9	18.0	15.2	17.6	2.0	1.7	1.0	4.3	-4.6	6.8
DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	177,103 (7.7)	13.9	10.3	9.1	-	10.2	18.4	1.7	1.4	-0.4	4.7	6.1	53.6	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	133,071 (5.8)	6.3	17.1	13.9	11.7	20.4	21.3	3.1	2.6	0.9	3.1	-1.5	-0.1
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	121,226 (5.3)	12.7	18.3	12.9	-5.3	12.0	15.4	2.0	1.7	2.4	6.9	2.2	-6.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	435,409 (18.9)	0.0	9.8	8.5	14.3	18.2	17.6	1.6	1.4	0.6	4.7	2.4	31.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	489,873 (21.2)	1.4	9.3	8.6	61.1	17.9	17.1	1.5	1.4	0.6	5.8	8.7	19.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	197,939 (8.6)	0.0	9.4	7.9	18.8	19.9	19.9	1.8	1.4	0.7	6.5	13.4	42.2
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	447,924 (19.4)	0.0	8.0	6.7	14.6	19.8	20.1	1.5	1.2	1.4	7.6	5.3	29.9
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	116,366 (5.0)	4.2	7.9	6.6	23.3	18.9	18.7	1.6	1.4	1.7	5.8	2.1	14.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	611,488 (26.5)	14.0	15.6	9.4	26.5	9.5	13.5	1.4	1.2	4.6	19.3	18.0	33.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	124,191 (5.4)	0.0	7.5	5.4	37.5	23.3	24.1	1.4	1.1	1.1	6.0	-4.9	5.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	12,024 (0.5)	0.2	42.1	40.6	27.3	3.6	3.6	1.5	1.4	0.5	7.4	8.5	6.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	50,328 (2.2)	21.0	28.2	22.6	15.2	8.2	9.5	2.2	2.0	1.5	5.8	0.0	-6.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	8,989 (0.4)	14.2	12.8	11.2	8.4	9.3	10.2	1.0	1.0	-1.7	4.2	-3.2	-14.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	350,057 (15.2)	55.4	15.3	14.3	-3.2	12.7	12.8	-	-	1.0	11.0	-2.1	3.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	55,000	9,108 (396)	90,995 (3.9)	71.9	14.2	-	-4.0	15.5	-	-	-	-1.5	3.8	21.7	13.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	124,899 (5.4)	52.4	18.8	-	-19.0	14.6	-	-	-	0.0	10.5	5.5	4.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,500	5,734 (249)	159,400 (6.9)	27.2	-	-	36.3	11.2	-	-	-	0.0	5.0	4.1	0.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	333,194 (14.4)	42.1	19.9	18.1	4.0	34.9	35.2	6.3	5.7	1.7	5.4	-2.1	-5.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	21,303 (0.9)	36.9	21.7	19.1	7.3	25.5	26.2	4.9	4.6	0.6	4.0	-2.9	-7.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	107,687 (4.7)	16.5	43.4	24.0	-51.9	12.9	20.7	5.3	4.3	0.4	7.9	2.0	4.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	130,299 (5.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	3.4	6.7	3.0	-17.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	71,162 (3.1)	11.0	64.1	22.7	-88.3	5.2	18.8	4.2	3.4	-0.2	1.4	-3.9	5.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	80,565 (3.5)	10.8	22.3	17.9	-57.0	7.7	10.6	1.7	1.7	0.4	7.1	2.4	6.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	80,057 (3.5)	38.4	18.7	6.7	65.7	7.3	16.8	-	-	-0.2	8.6	16.6	21.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	107,185 (4.6)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	4.0	13.2	37.3	86.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,600	10,411 (452)	151,996 (6.6)	37.7	21.2	11.2	-12.7	9.9	14.7	-	-	0.2	7.8	5.9	7.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	64,989 (2.8)	3.6	10.6	10.1	-43.9	6.1	6.7	0.7	0.7	-0.4	3.5	-2.1	-5.3
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	42,871 (1.9)	0.0	9.4	7.9	-4.5	13.2	13.0	1.6	1.5	-0.4	-0.6	-5.6	9.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	66,583 (2.9)	46.1	17.0	16.6	-17.5	19.1	19.3	3.3	3.1	-0.3	1.2	-0.8	4.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	18,652 (0.8)	31.4	14.7	11.5	-10.5	12.4	15.9	1.5	1.5	0.0	2.7	-0.9	-8.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	12,055 (0.5)	34.1	11.3	10.9	-5.1	11.0	12.2	1.3	1.3	2.4	6.5	-7.6	6.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	43,850	145,287 (6,314)	805,738 (34.9)	18.0	9.2	8.4	21.9	26.0	23.6	2.1	1.7	1.1	6.2	5.0	18.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	56,246 (2.4)	36.5	11.6	13.5	-0.5	8.9	7.7	1.0	1.0	-1.0	5.4	11.2	8.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	75,326 (3.3)	46.5	17.3	18.4	-4.5	9.0	8.3	1.5	1.5	-0.3	7.4	20.7	28.9
	HSG	HOA SEN GROUP	24,900	11,063 (481)	220,065 (9.5)	38.9	8.9	8.1	67.9	20.2	19.9	1.7	1.5	-0.3	5.7	3.6	30.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	59,959 (2.6)	97.2	10.9	9.8	21.9	10.3	11.0	0.9	0.9	0.0	4.4	12.5	15.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	157,985 (6.9)	4.6	21.3	17.3	-51.0	15.9	17.2	3.0	2.9	0.4	1.1	-3.6	3.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	199,942 (8.7)	39.9	33.3	20.6	-11.9	1.7	3.1	0.6	0.6	-0.6	5.7	-3.8	42.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	73,258 (3.2)	35.9	8.6	7.9	1.2	13.7	13.9	1.1	1.0	0.6	6.0	1.1	25.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	90,031 (3.9)	0.0	12.6	9.8	13.7	28.0	28.9	3.1	2.6	0.4	3.7	-0.7	13.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	33,149 (1.4)	0.0	16.3	12.8	2.4	22.6	24.1	3.5	2.8	3.7	4.5	5.6	9.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	860 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.3	3.6	-4.3	-15.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	63,032 (2.7)	30.3	16.6	13.9	-75.2	10.2	14.1	-	-	0.5	3.0	6.6	-3.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	43,267 (1.9)	34.6	9.8	9.9	41.2	26.4	23.4	2.4	2.5	0.7	3.3	-5.4	-5.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	984 (0.0)	45.4	17.3	16.3	10.7	21.1	20.6	3.4	3.1	0.2	1.9	-0.6	-3.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	076 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-2.9	-2.3	-1.1	3.4
IT	FPT	FPT CORP	78,200	61,301 (2,664)	170,901 (7.4)	0.0	15.9	13.5	15.6	24.4	25.8	3.4	3.0	0.1	4.9	2.4	35.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**

binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**

anhtd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh**

trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**

tungla@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh**

anhhttp@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**

hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**

tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**

ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu**

hieunn@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**

harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**

dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh**

danhnt@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

